

Số: 106/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm; Quyết định số 1629/2018/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính Phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 620/TTr-UBND ngày 30/11/2018; Báo cáo thẩm tra số 739/BC-KTNS ngày 01/12/2018 của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019:

1. Thu ngân sách: 13.767.423 triệu đồng.

- | | |
|--|-----------------------|
| 1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: | 4.650.000 triệu đồng. |
| - Thu điều tiết ngân sách Trung ương : | 372.099 triệu đồng. |
| - Thu ngân sách địa phương được hưởng : | 4.277.901 triệu đồng. |
| 1.2. Thu từ chuyển nguồn ngân sách năm 2018: | 36.641 triệu đồng. |
| 1.3. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: | 9.080.782 triệu đồng. |

2. Chi ngân sách địa phương: 13.734.324 triệu đồng.

- | | |
|------------------------------|---------------------|
| 2.1. Chi đầu tư phát triển: | 938.216 triệu đồng. |
| 2.2. Bội chi ngân sách NSDP: | 339.000 triệu đồng. |

2.3. Ngân sách tỉnh hỗ trợ chi đầu tư:	50.000 triệu đồng.
2.4. Chi trả nợ lãi tiền vay:	1.500 triệu đồng.
2.5. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	670.000 triệu đồng.
2.6. Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT:	52.000 triệu đồng.
2.7. Chi thường xuyên:	9.604.244 triệu đồng.
2.8. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	15.000 triệu đồng.
2.9. Dự phòng ngân sách:	225.719 triệu đồng.
2.10. Chi thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu:	1.838.645 triệu đồng.
- Chi chương trình mục tiêu quốc gia:	1.035.798 triệu đồng.
- Chi vốn đầu tư thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ:	657.520 triệu đồng.
- Chi vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ:	145.327 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Giải pháp thực hiện dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2019

3.1. Thu ngân sách

- Thực hiện quyết liệt và đồng bộ các giải pháp thu đối với các nguồn thu ngân sách trên địa bàn, tích cực đôn đốc công tác thu nộp và truy thu nộp ngân sách số nợ đọng thuế và các khoản phải nộp khác của doanh nghiệp. Phấn đấu dự toán thu trên địa bàn *(không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết)*, tăng bình quân tối thiểu 12-14% so với đánh giá ước thực hiện năm 2018 *(loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách và các khoản thu mới phát sinh)* và tăng cao hơn nhiệm vụ Chính phủ giao, để tạo nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý nhiệm vụ phát sinh theo các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV. Các khoản thu từ thuế, lệ phí và các khoản thu khác được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách, theo nguyên tắc không gấn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gấn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện.

- Thu ngân sách đảm bảo nguyên tắc: Tích cực, vững chắc và sát với nguồn thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng thu từ tiền sử dụng đất, thu triệt để các khoản thu mới phát sinh; giảm nợ thuế xuống dưới 5% số thực hiện thu NSNN trên địa bàn năm 2019. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản; nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ phát triển đất, tập trung cao cho công tác GPMB tạo quỹ đất sạch, đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu ngân sách ổn định và bền vững.

- Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra; chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn thuế đảm bảo theo đúng kế hoạch; quản lý chặt chẽ hoàn thuế GTGT trong phạm vi dự toán được giao; tiếp tục đổi mới quy trình thu theo hướng đề cao trách nhiệm của người nộp thuế, gấn với tăng cường sự tương tác giữa cơ quan thu và người nộp thuế, phí; triển khai có hiệu quả việc kê khai và nộp thuế điện tử, cơ quan thuế thực hiện chức năng hướng dẫn, tư vấn và hậu kiểm.

- Trong quá trình thực hiện dự toán thu ngân sách có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động, có tác động tăng thu lớn, việc điều tiết nguồn thu thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 7, Điều 9, Luật NSNN năm 2015; Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh.

3.2. Chi ngân sách

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo đáp ứng kịp thời các khoản chi, nhất là các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các cơ chế điều hành chi ngân sách đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, đúng qui định và phù hợp với tình hình, nhiệm vụ thực tiễn của tỉnh.

- Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; đẩy mạnh việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính theo Nghị quyết số 19-NQ/TW; đẩy mạnh việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo khối lượng, đơn giá được phê duyệt và nghiệm thu theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, mở rộng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, khánh tiết, công tác nước ngoài; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng hiện đại gắn với cách mạng công nghiệp lần thứ tư....

- Bố trí và điều hành dự toán chi đầu tư phát triển trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt, phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Bố trí chi trả nợ gốc các khoản vay nợ chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo trả đầy đủ nợ gốc và lãi các khoản nợ đến hạn, quản lý chặt chẽ các khoản vay.

- Chi thường xuyên trên cơ sở dự toán được bố trí đúng định mức, nguyên tắc, tiêu chí, tỷ lệ tiết kiệm đảm bảo yêu cầu tăng tự chủ, tinh giản biên chế và dành nguồn cải cách tiền lương (*điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,39 triệu đồng/tháng lên mức 1,49 triệu đồng/tháng từ 01/7/2019*), lương hưu và trợ cấp ưu đãi người có công, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán được Chính phủ, Bộ Tài chính, HĐND tỉnh giao. Khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, tinh giản biên chế nhanh hơn lộ trình để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Chi thường xuyên ngân sách tỉnh đáp ứng một phần yêu cầu tăng chi cho một số nhiệm vụ quan trọng của lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tăng chi một số lĩnh vực (*giáo dục đào tạo; khoa học công nghệ*); tăng chi đảm bảo một số chính sách an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh; các lĩnh vực chi còn lại bố trí tương đương với dự toán ngân sách năm 2018.

- Đối với các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tiếp tục kế thừa việc giao và thực hiện dự toán theo nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế của địa phương theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh.

- Tăng cường làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoạt động tài chính của các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán; quan tâm thực hiện công tác tự

kiểm tra, công tác giám sát cộng đồng của nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp ngân sách, chủ tài khoản các đơn vị dự toán trong công tác quản lý, điều hành ngân sách và thực hiện các dự án đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các dự án sau đầu tư.

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

- Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương năm 2019, chỉ thực hiện phân bổ và giao kế hoạch vốn cho các dự án, công trình khi đã hoàn thành công tác vay vốn trong năm theo quy định. UBND tỉnh xây dựng phương án trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến trước khi thực hiện.

- Đối với chi lương hợp đồng các khối Quản lý nhà nước, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp, Y tế và Khối đảm bảo xã hội khác năm 2019, số tiền 85.506 triệu đồng để ngân sách tỉnh quản lý và thực hiện phân bổ cho các cơ quan, đơn vị sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 quy định định mức chi thường xuyên ngân sách năm 2017, thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước được thực hiện theo các cơ chế điều hành chi được Thường trực HĐND và UBND tỉnh thống nhất để đảm bảo yêu cầu thiết thực, hiệu quả; quan tâm đến nhiệm vụ chi giải phóng mặt bằng, phát triển quỹ đất, trả tiền thuê trụ sở cơ quan, chi các dự án đầu tư cấp thiết, cấp bách... gắn với tiến độ thu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XIV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *m*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Trung tâm: Thông tin; VTLT tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, (150b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước TH năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (%)
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	13.106.628	16.405.033	13.395.324	81,65
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.242.300	4.242.300	4.277.901	100,8
1	Thu NSDP được hưởng 100%	2.258.901	2.068.225	2.387.855	115,5
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.983.399	2.174.075	1.890.046	86,9
	Trong đó: Phần điều tiết NSTW	207.700	194.922	207.700	
II	Thu bổ sung từ NSTW	8.764.498	9.006.698	9.079.582	100,8
1	Thu bổ sung cân đối	5.855.877	6.037.729	5.972.877	98,9
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.908.621	2.968.969	3.106.705	104,6
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	1.200	49.300	1.200	2,4
IV	Thu kết dư	2.078	95.000	-	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	96.552	2.926.735	36.641	1,3
VI	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	36.000	55.000	44.500	
VII	Thu viện trợ, ủng hộ, đóng góp		30.000		
B	TỔNG CHI NSDP	13.106.628	15.469.827	13.734.324	88,8
I	Tổng chi cân đối NSDP	11.036.191	12.468.637	11.895.679	95,4
1	Chi đầu tư phát triển	1.569.820	2.025.475	1.980.716	97,8
2	Chi thường xuyên	9.005.991	9.982.782	9.468.425	94,8
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	300	300	1.500	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	49.300	49.300	15.000	30,4
5	Dự phòng ngân sách	200.130	200.130	225.719	112,8
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	210.650	210.650	204.319	-
II	Chi các chương trình mục tiêu	2.070.437	3.001.190	1.838.645	61,3
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	645.498	600.000	1.035.798	172,6
-	CTMTQG giảm nghèo bền vững	369.698	340.000	574.098	168,9
-	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	275.800	260.000	461.700	177,6
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.424.939	2.401.190	802.847	33,4
-	Vốn nước ngoài (đầu tư)	406.000	406.000	191.880	47,3
-	Nhà ở cho người có công	176.020	242.540		-
-	Vốn trái phiếu Chính phủ	370.000	1.100.000	130.000	11,8
-	Bổ sung theo ngành, lĩnh vực và CTMT	335.000	305.000	335.640	110,0
-	KP thực hiện 1460	13.000	731		-

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước TH năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (%)
-	Hỗ trợ kinh phí chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô; Đề án tăng cường công tác khai thác gỗ rừng theo QĐ 2242/QĐ-TTg	332	332	332	-
-	Mua thiết bị chiếu phim và ô tô chuyên dụng	1.200	1.200	-	-
-	CTMT giáo dục nghề nghiệp, việc làm và ATLĐ	3.545	3.545	8.640	-
-	CTMT phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	1.488	1.488	7.604	-
-	CTMT y tế, dân số	10.745	10.745	9.510	-
-	CTMT phát triển văn hóa	3.159	3.159	2.659	-
-	CTMT đảm bảo trật tự ATGT, PCCC, tội phạm và ma túy	3.600	3.600	3.700	-
-	CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững	38.000	38.000	38.000	-
-	CTMT tái cơ cấu kinh tế NN và giảm nhẹ thiên tai	2.000	2.000	2.000	-
-	Kinh phí thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg của TTCP chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số	-		1.726	
-	Kinh phí thực hiện Quyết định số 2086/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đề án hỗ trợ phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số			5.225	
-	CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	-		400	
-	CTMT giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn	-		37.400	
-	Vốn nước ngoài (sự nghiệp)	60.850	60.850	28.131	
-	Đối ứng các dự án ODA		30.000		
-	Dự phòng NSTW khắc phục mưa lũ		192.000		
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-	-	-
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	81.000	81.000	339.000	418,5
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	81.000	81.000	52.000	64,2
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	81.000	81.000	52.000	64,2
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				-
Đ	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	81.000	81.000	52.000	64,2
1	Vay để bù đắp bội chi	-	-		-
2	Vay để trả nợ gốc	81.000	81.000	52.000	64,2

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2018		Dự toán năm 2019		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu ngân sách nhà nước	5.036.000	5.000.000	4.694.500	4.650.000	93,22	93,00
I	Thu nội địa	5.000.000	5.000.000	4.650.000	4.650.000	93,00	93,00
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	1.934.000	1.934.000	1.913.000	1.913.000	-	98,91
	- Thuế giá trị gia tăng	842.300	842.300	882.980	882.980	-	-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.700	18.700	20.000	20.000	-	106,95
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
	- Thuế tài nguyên	1.073.000	1.073.000	1.010.020	1.010.020	94,13	94,13
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	52.000	52.000	54.000	54.000	103,85	103,85
	- Thuế giá trị gia tăng	19.160	19.160	21.122	21.122	110,24	110,24
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.826	6.826	6.850	6.850	100,35	100,35
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
	- Thuế tài nguyên	26.014	26.014	26.028	26.028	100,05	100,05
	- Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-
	- Thu khác	-	-	-	-	-	-
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	5.500	5.500	2.000	2.000	36,36	36,36
	- Thuế giá trị gia tăng	2.500	2.500	1.000	1.000	40,00	40,00
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.927	2.927	1.000	1.000	34,16	34,16
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
	- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước	-	-	-	-	-	-
	- Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-
	- Thu khác	73	73	-	-	-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	850.000	850.000	980.000	980.000	115,29	115,29
	- Thuế giá trị gia tăng	577.135	577.135	675.745	675.745	117,09	117,09
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.140	31.140	39.240	39.240	126,01	126,01
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.415	1.415	1.445	1.445	102,12	102,12
	- Thuế tài nguyên	232.915	232.915	253.940	253.940	109,03	109,03
	- Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-
	- Thu khác	7.395	7.395	9.630	9.630	-	-
5	Thuế thu nhập cá nhân	100.000	100.000	106.000	106.000	106,00	106,00

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2018		Dự toán năm 2019		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
6	Thuế bảo vệ môi trường	264.000	264.000	362.000	362.000	137,12	137,12
7	Lệ phí trước bạ	113.000	113.000	121.200	121.200	107,26	107,26
8	Thu phí, lệ phí	57.000	57.000	60.000	60.000	105,26	105,26
-	Phí và lệ phí trung ương					-	-
-	Phí và lệ phí tỉnh					-	-
-	Phí và lệ phí huyện					-	-
-	Phí và lệ phí xã, phường					-	-
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	647	647	813	813	125,66	125,66
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	65.000	65.000	57.779	57.779	88,89	88,89
12	Thu tiền sử dụng đất	1.150.000	1.150.000	670.000	670.000	58,26	58,26
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	53	53	-	-	-	-
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	52.000	52.000	52.000	52.000	100,00	100,00
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	192.000	192.000	146.000	146.000	76,04	76,04
16	Thu khác ngân sách	158.000	158.000	120.303	120.303	76,14	76,14
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.600	4.600	2.905	2.905	63,15	63,15
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)					-	-
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)	2.200	2.200	2.000	2.000	-	-
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)					-	-
21	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	-	-		
II	Thu từ dầu thô					-	-
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	36.000	-	44.500	-	123,61	-
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					-	-
2	Thuế xuất khẩu					-	-
3	Thuế nhập khẩu	36.000	-	44.500	-	123,61	-
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					-	-
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					-	-
6	Thu khác					-	-
IV	Thu viện trợ					-	-

CHỦ TỊCH

 *Hoàng Văn Chất*

Hoàng Văn Chất

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
	Tổng chi NSDP	13.106.628	13.734.324	627.696	104,8
A	Chi cân đối NSDP	11.036.191	11.895.679	859.488	107,8
I	Chi đầu tư phát triển	1.621.820	1.980.716	358.896	122,1
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.621.820	1.980.716	358.896	122,1
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			-	-
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	600.000	670.000	70.000	111,7
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	52.000	52.000	-	100,0
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	50.000	50.000	-	100,0
II	Chi thường xuyên	8.953.991	9.468.425	514.434	105,7
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.226.977	100.000	(4.126.977)	2,4
2	Chi khoa học và công nghệ	21.763	22.703	940	104,3
III	Chi trả nợ lãi	300	1.500	1.200	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	49.300	15.000	(34.300)	30,4
V	Dự phòng ngân sách	200.130	225.719	25.589	112,8
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	210.650	204.319	(6.331)	97,0
B	Chi các chương trình mục tiêu	2.070.437	1.838.645	(231.792)	88,8
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	645.498	1.035.798	390.300	160,5
1	Chương trình giảm nghèo bền vững	369.698	574.098	204.400	155,3
2	Chương trình nông thôn mới	275.800	461.700	185.900	167,4
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.424.939	802.847	(622.092)	56,3
-	Vốn nước ngoài (đầu tư)	406.000	191.880	(214.120)	47,3
-	Vốn nước ngoài (sự nghiệp)	60.850	28.131	(32.719)	46,2
-	Nhà ở cho người có công	176.020	-	(176.020)	-
-	Vốn trái phiếu Chính phủ	370.000	130.000	(240.000)	35,1
-	Bổ sung theo ngành, lĩnh vực và CTMT	335.000	335.640	640	100,2
-	KP thực hiện Quyết định 1460/QĐ-TTg	13.000	-	(13.000)	-
-	Hỗ trợ kinh phí chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô; Đề án tăng cường công tác khai thác gỗ rừng theo QĐ 2242/QĐ-TTg	332	332	-	100,0
-	Mua thiết bị chiếu phim và ô tô chuyên dụng	1.200	-	(1.200)	-
-	CTMT giáo dục nghề nghiệp, việc làm và ATLĐ	3.545	8.640	5.095	243,7
-	CTMT phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	1.488	7.604	6.116	511,0

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	CTMT y tế, dân số	10.745	9.510	(1.235)	88,5
-	CTMT phát triển văn hóa	3.159	2.659	(500)	84,2
-	CTMT đảm bảo trật tự ATGT, PCCC, tội phạm và ma túy	3.600	3.700	100	102,8
-	CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững	38.000	38.000	-	100,0
-	CTMT tái cơ cấu kinh tế NN và giảm nhẹ thiên tai	2.000	2.000	-	100,0
-	Kinh phí thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số		1.726	1.726	-
-	Kinh phí thực hiện Quyết định số 2086/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đề án hỗ trợ phát triển KTXH vùng dân tộc thiểu số		5.225	5.225	-
-	CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh		400	400	-
-	CTMT giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn		37.400	37.400	-
C	Chi chuyển nguồn sang năm sau			-	


CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Chất

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh
A	Thu NSDP	16.405.033	13.395.324	81,7
B	Chi cân đối NSDP	15.386.827	13.734.324	89,3
C	Bội chi/Bội thu NSDP	81.000	339.000	418,5
D	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP	1.000.000	930.000	93,0
E	Kế hoạch vay, trả nợ gốc	81.000	52.000	64,2
I	Tổng dư nợ đầu năm	86.000	34.000	39,5
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	8,60	3,66	42,5
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		-	
3	Vay trong nước khác			
II	Trả nợ gốc vay trong năm	81.000	52.000	64,2
1	Theo nguồn vốn vay	81.000	52.000	64,2
	- Trái phiếu chính quyền địa phương			
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
	- Vốn khác	81.000	52.000	64,2
2	Theo nguồn trả nợ	81.000	52.000	64,2
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc		52.000	0,0
	- Bội thu NSDP	81.000	-	0,0
	- Tăng thu, tiết kiệm chi			0,0
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh			0,0
III	Tổng mức vay trong năm	1.000.000	930.000	93,0
1	Theo mục đích vay	81.000	52.000	64,2
	- Vay để bù đắp bội chi			

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh
	- Vay để trả nợ gốc	81.000	52.000	64,2
2	Theo nguồn vay	81.000	52.000	64,2
	- Trái phiếu chính quyền địa phương			
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
	- Vốn trong nước khác	81.000	52.000	64,2
IV	Tổng dư nợ cuối năm	324.000	243.000	75,0
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	32,40	26,13	80,6
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
3	Vốn khác	86.000	34.000	39,5
G	Trả nợ lãi, phí	300	1.500	500,0

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất